

Số: 22/CBTT-TASCO

V/v: Công bố Báo cáo Tài chính 06 tháng  
đầu năm 2022

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Tasco (“Tasco”)
2. Mã chứng khoán: HUT
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 và Tầng 20, Tòa nhà Tasco, Lô HH-2-2, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.
4. Số điện thoại: 024.66686863      Số fax: 024. 3773 8559
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Khánh Đình - Người được ủy quyền CBTT
6. Nội dung của thông tin công bố:  
Công ty Cổ phần Tasco công bố thông tin báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2022 (Báo cáo Tài chính riêng và Báo cáo Tài chính hợp nhất kèm Công văn Giải trình chỉ tiêu lợi nhuận thuế TNDN 06 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021).
7. Địa chỉ Website đăng tải thông tin công bố: **<http://www.tasco.com.vn/quan-he-co-dong>**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, PC.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**



**Vũ Khánh Đình**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số : **172** /TASCO-KTHà Nội, ngày **29** tháng **08** năm 2022

V/v giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN  
6 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021.

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022, Công ty Cổ phần Tasco giải trình về biến động chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021, và biến động trước và sau soát xét, cụ thể như sau:

**1. Báo cáo tài chính riêng**

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2022 - sau soát xét	6 tháng đầu năm 2022 - trước soát xét	Chênh lệch BCTC sau - trước soát xét	Tỷ lệ Tăng (+)/Giảm (-) (%)	6 tháng đầu năm 2021	Chênh lệch năm nay so với cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ Tăng (+)/Giảm (-) (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	28.234.180	28.234.180	-	-	45.604.524	(17.370.344)	(62%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	3.152.870	3.152.870	-	-	9.776.910	(6.624.040)	(210%)
Doanh thu tài chính	21	178.213.064	177.673.064	540.000	-	67.462.284	110.750.780	62%
Chi phí tài chính	22	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31.341.728	31.341.728	-	-	13.816.666	17.525.062	56%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	150.024.206	149.484.206	540.000	-	62.572.574	87.451.632	58%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	150.017.888	149.477.888	540.000	-	62.469.889	87.547.999	58%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	130.205.997	129.665.997	540.000	-	58.752.421	71.453.576	55%





Lợi nhuận sau thuế TNDN Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm năm 2022 đạt 130 tỷ, tăng 71 tỷ đồng (tương đương tăng 55%) so với cùng kỳ năm trước do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 17 tỷ tương đương 62% vì dự án bất động sản đã gần như hoàn thiện bàn giao. Doanh thu tài chính tăng 110 tỷ so với cùng kỳ năm ngoái đến từ thoái các khoản đầu tư tài chính theo chủ trương tinh gọn các khoản đầu tư không trọng tâm, tái cấu trúc doanh nghiệp của Hội đồng Quản trị
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 17 tỷ nhằm phục vụ các hoạt động cải tiến doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế TNDN trước và sau soát xét không có biến động lớn.

## 2. Báo cáo tài chính hợp nhất

Đơn vị tính: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Mã số	6 tháng đầu năm 2022 - sau soát xét	6 tháng đầu năm 2022 - trước soát xét	Chênh lệch BCTC sau - trước soát xét	Tỷ lệ Tăng (+)/Giảm (-) (%)	6 tháng đầu năm 2021 - sau soát xét	Chênh lệch năm nay so với cùng kỳ năm trước	Tỷ lệ Tăng (+)/Giảm (-) (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	459.623.967	459.837.807	(213.840)	-	465.966.391	(6.342.425)	(1%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	201.887.740	205.823.121	(3.935.381)	-	172.942.751	28.944.989	14%
Doanh thu tài chính	21	149.207.297	155.594.593	(6.387.296)	-	5.295.470	143.911.828	96%
Chi phí tài chính	22	152.744.728	153.885.947	(1.141.220)	-	166.360.314	(13.615.586)	(9%)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	74.934.912	74.609.027	325.885	-	44.020.968	30.913.944	41%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	124.000.925	124.749.917	(748.993)	-	(67.343.205)	191.344.129	154%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	123.782.270	124.573.004	(790.734)	-	(68.134.369)	191.916.639	155%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	101.901.601	102.123.719	(222.119)	-	(73.572.101)	175.473.702	172%

Lợi nhuận sau thuế TNDN Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022 đạt 102 tỷ, tăng 175 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, từ lỗ hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021 sang có lãi 6 tháng đầu năm 2022 chủ yếu do các nguyên nhân:

- Giá vốn được kiểm soát tốt, lợi nhuận gộp từ hoạt động thu phí đường bộ BOT và dịch vụ thu phí không dừng tăng so với cùng kỳ năm trước
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 144 tỷ (tương đương 96%) từ chủ trương tinh gọn các khoản đầu tư không trọng tâm, tái cấu trúc doanh nghiệp của Hội đồng Quản trị
- Chi phí tài chính giảm 14 tỷ (tương đương 9%) so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN trước và sau soát xét không có sự biến động lớn.

*Chữ ký*

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT;
- Lưu Kế toán;
- Lưu Tài Chính.

  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**PHAN THỊ THU THẢO**

